

Số: 14/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Vũ Văn H, sinh ngày 01/01/1989 ;

CCCD số: 038.089.051.305

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Mai Thị N, sinh ngày 26/11/1991 ;

CCCD số: 038.191.008.885

Địa chỉ : Thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 11/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, không còn sự quan tâm đến nhau. Anh H, chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống không hòa thuận, cả hai đều thống nhất thuận tình ly hôn. Xét việc anh H và chị N thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N.

[2] Về con chung: Anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N có 03 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 24/7/2014; cháu Vũ Gia H, sinh ngày 10/11/2017 và cháu Vũ Mai Khánh N, sinh ngày 26/10/2019. Ly hôn, anh H và chị N thỏa thuận: Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu là cháu Ngọc D, cháu Gia H, cháu Khánh N. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/tháng cho 03 cháu. Mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi các cháu thành niên. Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đúng với quy định tại Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N.

- Về con chung: Công nhận 03 cháu là Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 24/7/2014; cháu Vũ Gia H, sinh ngày 10/11/2017 và cháu Vũ Mai Khánh N, sinh ngày 26/10/2019 là con chung của anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N. Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu là cháu Ngọc D, cháu Gia H, cháu Khánh N. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/tháng cho 03 cháu. Mỗi

cháu là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh Vũ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh Vũ Văn H và chị Mai Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị N phải nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu BLTU/25E số 0000649 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Thị Huyền